

QUAN NIỆM THỜI TRUNG ĐẠI VỀ GIÁ TRỊ CỦA VĂN CHƯƠNG

Đặng Văn Vũ⁽¹⁾

(1) Trường Đại học Sài Gòn

Ngày nhận bài 23/8/2023; Ngày gửi phản biện 4/10/2023; Chấp nhận đăng 28/10/2023

Liên hệ email: dvvu@sgu.edu.vn

<https://doi.org/10.37550/tdmu.VJS/2023.06.491>

Tóm tắt

Sau khi thoát khỏi Bắc thuộc, song song với việc xây dựng nền độc lập dân tộc, người Việt cũng tạo dựng cho mình một nền văn học viết với thành tựu nổi bật ngay từ đời Lý, Trần. Cùng với thực tế sáng tác, ông cha ta cũng đã có những quan niệm khá toàn diện về lý thuyết văn học. Nổi bật trong hệ thống lý luận thời trung đại là việc xác định vị trí, vai trò của văn chương trong đời sống. Văn chương có sứ mệnh to lớn trong việc góp phần khẳng định thể diện, vị thế của quốc gia. Nó cũng có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của nhân cách, đạo đức và sự nghiệp của mỗi cá nhân. Với tầm quan trọng ấy, người xưa xem văn chương quý hơn vàng ngọc châu báu. Đem điều đó soi vào đời sống xã hội và văn học hôm nay, nó vẫn còn nguyên giá trị.

Từ khóa: lập thân, quốc thể, sứ mệnh, trung đại, văn hiến

Abstract

MEDIEVAL VIEWS ON THE VALUE OF LITERATURE

After escaping from the North, in parallel with building national independence, the Vietnamese also created a written literature with outstanding achievements from the Ly and Tran dynasties. Along with the practice of writing, our ancestors also had quite comprehensive concepts about literary theory. Outstanding in the medieval theoretical system is the determination of the position and role of literature in life. Literature has a great mission in contributing to affirming the face and position of the nation. It also plays an important role in the development of each individual's personality, morality and career. With that importance, ancient people considered literature more precious than gold and jewels. Bringing that into today's social and literary life, it still has its value.

1. Đặt vấn đề

Văn hóa Việt Nam có truyền thống trọng văn chương. Từ văn học dân gian đến văn học hiện đại là một quá trình phát triển mạnh mẽ của nền văn học dân tộc. Ngoài năng lượng của tinh thần yêu nước, bảo vệ lãnh thổ quốc gia; dân tộc ta có một năng lượng văn chương rất dồi dào. Sự dồi dào ấy thể hiện ở gia tài văn chương đa dạng, phong phú không

hệ thua kém bất cứ quốc gia nào trong vùng chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa. Có được điều đó, ngay từ khi giành được độc lập tự chủ (năm 938), ông cha ta đã ý thức rất rõ về tầm quan trọng của văn chương đối với quốc gia dân tộc, cũng như đối với mỗi cá nhân con người. Sự ý thức về sứ mệnh to lớn của văn chương được thể hiện cụ thể qua những phát biểu của văn nhân là vua, quan hay các nhà Nho ẩn dật, tài tử. Họ thể hiện bằng hình thức bàn luận trực tiếp, trao đổi thư từ hay trong các lời tựa, bạt cho các tập thơ văn; và cuối cùng là thể hiện trong bản thân tác phẩm ngôn từ. Tập hợp những ý kiến ấy, chúng ta có được một cái nhìn cụ thể về vai trò, vị trí, chức năng của văn học trong xã hội trung đại trong cái nhìn đối sánh với đời sống văn học hôm nay.

2. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Muốn tìm hiểu nội dung tư tưởng và nghệ thuật của một tác phẩm văn học, ta phải tìm hiểu quan niệm nghệ thuật tác giả của nó. Muốn tìm hiểu cả một thời kỳ văn học, ta phải tìm hiểu quan niệm chung về văn chương của thời kỳ ấy. Văn học trung đại Việt Nam kéo dài cả hàng chục thế kỷ với số lượng tác phẩm đồ sộ. Để có được gia tài đáng tự hào đó, cha ông chúng ta đã có những quan niệm đúng đắn, sâu sắc và khá toàn diện về lý thuyết văn chương, trong đó đầu tiên là quan niệm về giá trị của văn chương.

Để thực hiện bài viết này, chúng tôi sử dụng phối hợp các phương pháp sau:

Phương pháp xã hội học: Được vận dụng để nhìn nhận cơ sở xã hội hình thành các quan niệm văn chương. Cơ sở xã hội Việt Nam thế kỷ X đến TK XIX với sự biến động mạnh mẽ của nó có ảnh hưởng không nhỏ đến quan niệm văn chương của các văn nhân.

Phương pháp hệ thống: Để có được cái nhìn cụ thể và logic vấn đề quan niệm văn chương, người viết sẽ đặt các nội dung một cách hệ thống theo trục dọc, từ đó mà khái quát nhằm làm nổi rõ vấn đề.

Thao tác phân tích, tổng hợp: Đây là thao tác cơ bản nhất của đề tài. Người viết chủ yếu đi phân tích từng nội dung cụ thể để vấn đề được hiện lên một cách rõ ràng nhất. Từ đó khái quát thành các luận điểm trong tính biện chứng và hệ thống. Sử dụng thao tác phân tích và tổng hợp là điều cần thiết để có được cách nhìn vừa cụ thể, vừa khái quát.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Văn chương là “quốc thể”

Sự cao quý của văn chương, trước hết thể hiện ở sứ mệnh cao cả của nó. Xã hội Việt Nam thời trung đại thành tựu khoa học chưa có gì nên thành tựu văn chương nghệ thuật trở thành niềm tự hào dân tộc. Văn hiến dân tộc gồm có sách hay và người tài. Người tài ấy chủ yếu là nhà văn (các vị vua quan, tướng lĩnh đều có sáng tác văn chương); sách hay ấy cơ bản là tác phẩm văn chương (thời kỳ này, sách về y học, quân sự, lịch sử đều được xếp vào văn học). Điều này kết hợp với truyền thống trọng văn trong văn hóa dân tộc đã đưa tác phẩm văn chương lên hàng quốc thể.

Quốc thể ấy được Lê Quý Đôn khẳng định trong lời căn dặn Nguyễn Huy Oánh nhân dịp ông này đi sứ Trung Quốc: “*Hảo bả văn chương tăng quốc thể*”. Nghĩa là: “*Phải lấy văn chương làm tăng quốc thể*” (Phương Lưu, 1985). Thể diện quốc gia là sự khẳng định vị thế của quốc gia ấy trong mối tương quan với các quốc gia khác. Câu nói trên cho thấy tầm quan trọng hàng đầu của văn chương trong việc làm nên phương diện quốc gia. Trong *Mấy lời về thể lệ sách Toàn Việt thi lục*, Lê Quý Đôn đã nói: “*Nước ta từ khi xây dựng, văn minh không kém gì Trung Quốc*” (Phan Trọng Thường..., 2007). Dù thực tế có thể không được như vậy, nhưng tinh thần “ngang bằng” từ Lý Thường Kiệt (Nam quốc sơn hà), Nguyễn Trãi (Bình Ngô đại cáo)... được Lê Quý Đôn tiếp nối, đã thể hiện được tinh thần tự chủ, tự cường; và làm dấy lên niềm tự hào dân tộc, làm tiêu tan tâm lý khiếp nhược, tự ti của người nước nhỏ trước một nước lớn về lãnh thổ và dân số. Về phương diện văn chương, nền văn chương là gương mặt của một quốc gia. Điều này không phải chỉ đúng với thời trung đại - khi văn chương là sản phẩm tinh thần nổi bật nhất; mà đúng với cả thời hiện đại. Văn học Nga, văn học Pháp, văn học Anh... góp phần không nhỏ vào việc thể hiện gương mặt của các quốc gia này, nó khiến cho các dân tộc khác vị nể các quốc gia có nền văn học rực rỡ. Mỗi tác phẩm của một quốc gia vươn ra tầm quốc tế là một niềm tự hào dân tộc của quốc gia ấy.

Trở lại với quan niệm lấy văn chương làm tăng quốc thể thời trung đại, ông cha ta đã đề cao sứ mệnh của văn chương, thể tất, thành tựu văn chương được đúc kết trên phương diện tổng thể để khẳng định tinh thần dân tộc. Nhìn lại văn chương cha ông, Phan Huy Chú kết luận: “*Nước Việt ta tiếng khen lẽ nghĩa đã hơn nghìn năm, vốn có thư tịch từ lâu lắm. Kể từ đời nhà Đinh, nhà tiền Lê dựng nước đối địch với Trung Hoa, mệnh lệnh từ chương dần dần rõ rệt. Đến đời Lý đời Trần nói trị, văn vật mở mang, kể tham định thì có những sách điển chương điều luật, về ngự chiếu thì có các thể chiếu, sắc, thi ca. Trị bình đời đời nối tiếp, văn chương thanh nhã đầy đủ. Huống chi kể sĩ đời nào cũng có, văn chương nảy nở như rừng, sách vở ngày càng nhiều, nếu không qua binh lửa mà thành tro tàn, thì hẳn là trâu kéo phải mệt, nhà chát phải đầy*” (Nguyễn Minh Tân, 1981). Sự đúc kết này, một mặt, tác giả muốn lấy đó để khẳng định vị thế của quốc gia; mặt khác, tác giả cũng cho thấy được tầm quan trọng của văn chương nghệ thuật trong việc tạo nên diện mạo, tầm vóc của một triều đại. Có lẽ, cả thời trung đại, vừa thoát khỏi mười thế kỷ Bắc thuộc, đối trọng của nước ta chủ yếu là với Trung Hoa, nên các văn nhân thường đem thành tựu văn chương so sánh với người phương Bắc, qua đó khẳng định vị thế của mình. Trong *Vũ trung tùy bút*, Phạm Đình Hổ cũng viết: “*Nước ta thơ đời Lý già dặn, súc tích, thơ đời Trần tinh vi trong trẻo, đều có sở trường tốt bậc cũng như là thơ đời Hán, đời Đường bên Trung Hoa*” (Phương Lưu, 1985). Thơ Đường là thành tựu nổi bật của văn học Trung Hoa, nhưng thơ đời Lý - Trần của Việt Nam cũng không hề thua kém về tính tư tưởng cũng như tính thẩm mỹ của tác phẩm. Cho nên lời khẳng định ấy không phải là sự tự tôn thái quá. Đề tựa cuốn *Tinh xà kỷ hành* của Phan Huy Ích, Ngô Thì Nhậm viết: “*Nước Việt ta lấy văn hiến giữ nước, thi ca thai nghén từ đời Lý, thịnh vượng ở đời Trần, dấy lên rầm rộ vào đời Hồng Đức, đời Lê. Một bộ Toàn Việt thi lục, về cổ thể*

thì không nhường thi ca đời Hán, đời Tấn. Xét về cận thể thì không nhường thi ca các đời Đường, Tống, Nguyên, Minh; nhà ngọc phun châu, thật đáng gọi một nước thơ” (Phương Lưu, 1985). Lê Quý Đôn cũng nói: “Nước Nam ta, hai triều nhà Lý, nhà Trần ngang vào khoảng triều nhà Tống, nhà Nguyên. Lúc ấy tinh hoa nhân tài, cốt cách văn chương không khác gì Trung Hoa... Tôi thu nhặt những bài văn còn giữ được ở đồ đồng và bia đá được mấy chục bài. Thấy văn đời Lý biến ngẫu bóng bẩy, đẹp đẽ, giống thể văn đời Đường; văn đời Trần lưu loát, chỉnh tề, giống văn đời Tống” (Nguyễn Minh Tân, 1981). Hơn thế nữa, vua Tự Đức viết câu thơ đầy kiêu hãnh:

Văn như Siêu, Quát vô Tiền Hán

Thi đáo Tùng, Tuy thất Thịnh Đường.

(Văn như Nguyễn Văn Siêu, Cao Bá Quát, thời Tiền Hán phải thua

Thơ như Tùng Thiện Vương, Tuy Lý Vương, thời Thịnh Đường còn kém).

Thời Tiền Hán dài trên hai trăm năm, từ năm 206 trước CN đến năm thứ 8 sau CN. Văn học Tiền Hán phát triển rực rỡ, với nhân vật nổi tiếng nhất là Tư Mã Thiên. Thời Thịnh Đường (từ năm 713 đến 823 sau CN) văn chương Trung Hoa rất thịnh đạt với hai tên tuổi lớn là thi tiên Lý Bạch và thi thánh Đỗ Phủ. Bỏ qua cách nói có phần thậm xưng, chúng ta cũng thấy tinh thần tự cường, luôn đề cao văn hóa dân tộc. Đó cũng là một cách khẳng định thể đứng của dân tộc trước các dân tộc khác, nhất là với người Trung Hoa.

Các tác giả trên có điểm chung là khẳng định giá trị văn chương nước ta không hề thua kém văn chương Trung Hoa. Từng nhà thơ, từng thời kỳ đều sánh ngang với phương Bắc. Nếu xét về mặt lý luận, thì đây không phải là những ý kiến đi vào bản chất của văn chương. Nhưng, thể hiện quan niệm về văn chương, thì đây được xem như là sự đề cao giá trị, sứ mệnh cao cả của hình thái tinh thần dân tộc, bản sắc dân tộc trước các dân tộc khác.

Nói lên điều đó, các văn nhân trí thức nước ta ngay từ thời trung đại đã thể hiện tinh thần độc lập, tự chủ của một quốc gia dù nhỏ hơn về mặt lãnh thổ nhưng không hề nhỏ hơn về trí tuệ và bản lĩnh dân tộc. Và chính trí tuệ và bản lĩnh ấy đã giúp nước Nam thoát khỏi cả nghìn năm bị người phương Bắc đô hộ.

3.2 Văn chương là “châu báu” đối với con người

Guang mặt sáng ngời của một quốc gia không thể là một sắc diện chung chung mà nó được làm nên từ chính những cá nhân cụ thể. Chính những cá nhân xuất sắc đã làm rạng rỡ cho non sông. Dù ở chế độ quân chủ thời trung đại, con người cá nhân bị làm cho mờ nhạt, nhưng sự đóng góp của mỗi cá nhân cho xã hội vẫn luôn được ghi nhận, đề cao. Trong *Quyển uyển cửu ca*, vua Lê Thánh Tông đánh giá tác phẩm của Nguyễn Trãi: “*Văn chương của Úc Trai làm vẻ vang cho nước*”. Văn chương của Nguyễn Trãi, về phương diện chính trị (*Quân trung từ mệnh tập*) đã làm lung lay tinh thần xâm lược của quân Minh, cổ vũ tinh thần chiến đấu của nghĩa quân Lam Sơn, góp phần làm nên chiến thắng vang dội của nhà Lê trước quân Minh; về phương diện nghệ thuật (*Quốc âm thi tập, Úc Trai thi tập*), nó là sản phẩm tinh thần vô cùng giàu có về tình yêu đất nước, yêu thiên

nhân, yêu con người của một nhân cách lớn. Sứ mệnh của văn chương trong việc giữ gìn nền độc lập của tổ quốc đã được Nguyễn Trãi tuyên bố đồng dạng trong bài thơ nôm *Bảo kính cảnh giới 56*:

*Đao bút phải dùng, tài đã vẹn
Chỉ thư nấy chép việc càng chuyên.
Vệ Nam mãi mãi ra tay thước
Điện Bắc đà đà yên phận tiên.*

Sau Nguyễn Trãi mấy trăm năm, chí sĩ Phan Bội Châu cũng viết:

*Ba tác lưỡi mà gươm mà sủng
Một ngòi lông vừa trống vừa chiêm.
(Văn tế Phan Châu Trinh)*

Thời trung đại, bút không phải là một ngòi lông mềm mại mà là một cây đao có sức công phá mạnh mẽ đuổi nghìn quân thù, và sách (tác phẩm văn chương) không còn là những trang giấy mềm mỏng mà là tấm khiên vững chãi che chắn cho nhân dân, thúc giục nhân dân đứng lên đánh đuổi quân thù để giữ gìn nền thái bình của đất nước.

Sách vở văn chương có sức mạnh to lớn, gia tài văn hiến của dân tộc giàu có, rất đáng tự hào. Nhưng niềm tự hào ấy không phải lúc nào cũng được nhìn nhận, đánh giá một cách thỏa đáng. Bên cạnh tinh thần dân tộc tự cường, vẫn còn thái độ tự ti khi đứng trước một nước lớn. Đầu đó vẫn còn tư tưởng “coi trọng của người mà xem nhẹ của ta”, “đề cao bên ngoài mà hạ thấp bên trong” (ý của Lê Quý Đôn). Phê phán điều đó, trong lời tựa tập sách *Đại Nam quốc túy*, Ngô Giáp Đậu viết: “*Xem đức Khổng san kinh có biện lời thi phong, thì người ta chăm đọc sách nước ngoài mà chẳng chuộng bài phong dao của nước mình. Khác gì câu phương ngôn nói rằng: Bụt trong nhà chẳng thiêng, cầu Thích ca ngoài đường*” (Phương Lưu, 1985). Thực tế thì phong dao (ca dao về phong tục) nước mình có kém gì Kinh thi, nhưng do Kinh thi đã được Khổng Tử san định cho nó bóng bẩy hơn nên được người nước ta chuộng hơn. Việc chuộng văn chương nước ngoài vì nó bóng bẩy mà quên đi cái chân mộc của phong dao nước mình là điều đáng lo ngại. Lời phê phán của Ngô Giáp Đậu vừa có giá trị cảnh tỉnh, vừa khẳng định giá trị của văn chương nước mình.

Thái độ “nặng ngoài nhẹ trong” còn thể hiện rõ trong vấn đề học hành, thi cử thời trung đại. Nghĩa là chúng ta vẫn lấy trước tác từ Trung Hoa để dạy cho học trò, để làm đề thi trong khoa cử. Trên tinh thần khẳng định nền văn hiến dân tộc, ở lời tựa bộ *Trích diễm thi tập*, Hoàng Đức Lương viết: “*Một nước văn hiến, xây dựng đã mấy trăm năm, lẽ đâu không có quyển sách nào để có thể làm gốc rễ mà phải tìm xa xôi để học thơ văn đời nhà Đường?*” (Nguyễn Minh Tân, 1981). Chúng ta biết, bộ *Trích diễm thi tập* gồm có 15 quyển, được Hoàng Đức Lương sưu tầm, tuyển chọn những bài thơ hay của các nhà thơ có tiếng từ đời Trần (từ Nguyễn Trung Ngạn) đề đầu đời Lê (đến Đàm Văn Lễ). Đây là một trong bốn tuyển tập thơ công phu và có tiếng thời kỳ trung đại (ba tập kia là *Việt âm thi tập* của Phan Phu Tiên, *Cổ kim thi gia tinh tuyển* của Dương Đức Nhan, và *Toàn Việt*

thi lục của Lê Quý Đôn). Từ gia tài không nhỏ của văn chương dân tộc (chỉ tính từ khi giành độc lập đến thế kỷ XV), trong niềm tin tưởng và tự hào, Hoàng Đức Lương muốn khẳng định rằng, văn chương nước ta đã gánh được sứ mệnh giáo dục cho thế hệ sau, không việc gì cứ “phải tìm xa xôi để học thơ văn đời nhà Đường”.

Văn chương nước nhà không chỉ đủ đầy để làm tài liệu giáo dục cho thế hệ sau, nó còn là một “công cụ” giúp vào việc trị nước của các ông vua. Nhữ Bá Sĩ viết:

*Văn chương còn mãi với xưa nay
Giúp vào việc kinh luân vũ trụ
Hàng hàng ngọn bút sắc
Rực rỡ khắp sử sách.*
(Nguyễn Minh Tân, 1981)

Là một sản phẩm tinh thần, văn chương có đời sống bền lâu nếu nó có giá trị. Mọi giá trị vật chất đều phải hao mòn và mất đi theo thời gian, chỉ có những giá trị tinh thần là mãi mãi. Văn chương còn mãi vì nó “giúp vào việc kinh luân vũ trụ”. Kinh luân là sắp đặt, tổ chức về chính trị, nói chung là tài trị nước trị dân của một ông vua, một vương triều. Trong công cuộc kinh luân ấy, những kiến thức từ sách vở văn chương là rất quan trọng, vì nó chính là sự tổng hợp kinh nghiệm của người đi trước, nhất là tác phẩm của những người tài giỏi. Mới thấy sứ mệnh của văn chương thật đa dạng và cao cả.

Vì sứ mệnh văn chương cao cả như thế, quý giá như thế nên Trần Toại trong *An Nam chí lược* có viết:

*Cổ lai hà vật bất thành thổ
Tử hậu duy thi khả thắng kim.*
(Xưa nay có vật gì rồi không thành cát bụi
Sau khi chết chỉ có thơ là quý hơn vàng)
(Phương Lưu, 1985)

*Thiên thơ ánh sách qua ngày tháng,
Một khắc cảm nên mấy lạng vàng.*
(Nguyễn Trãi - *Thuật hứng 10*)
*Một lòng trung hiếu làm miều cả,
Hai quyển thi thư ấy báu chôn.*
(Nguyễn Trãi - *Tự thán 41*)

Sự so sánh văn thơ với vàng ngọc châu báu, xem văn thơ còn quý hơn vàng ngọc, ngày nay có thể ít thấy, nhưng ngày xưa là điều bình thường. Sự quý giá này có lẽ xuất phát từ vai trò to lớn của văn chương đối với quốc gia dân tộc, cũng như bản thân của mỗi con người. Có lẽ vì thế mà Lê Quý Đôn đã nói: “*Văn chương là cái gốc lớn cho sự lập thân, là việc lớn của sự kinh thế*” (kinh thế: kinh bang tế thế, làm việc nước giúp đời) (Phan Trọng Thường, 2007). Câu nói này có tính lịch sử rõ rệt. Thời trung đại, khoa học

tự nhiên chưa phát triển, người đồ đạc ra làm quan chủ yếu là thông qua các kỳ thi về thơ văn. Vậy nên, giới văn chương là có thể lập nên công danh sự nghiệp cho bản thân và có cả khả năng làm việc giúp đời. Điều đó cho thấy sứ mệnh to lớn của văn chương đối với đời sống xã hội, con người thời trung đại.

Cũng trên tinh thần xem văn chương còn hơn vàng ngọc châu báu, trong *Liễu hầu miếu*, Nguyễn Trung Ngạn có viết:

*Bình sinh sự nghiệp chân nan trợ
Hậu thế văn chương bình phượng nghi.*

(Sự nghiệp bình sinh thật khó giúp đời

Nhưng văn chương để lại cho đời sau rực rỡ như dáng chim phượng)

(Phương Lưu, 1985)

Trong tứ linh: long, ly, qui, phụng thì phụng là biểu tượng cho sự bất diệt, nhưng nó cũng biểu tượng của cái đẹp cùng sự mềm mại, uyển chuyển. Sự bất diệt của một tác phẩm văn chương có giá trị tư tưởng và thẩm mỹ đã được chứng minh qua thực tế thơ văn thời trung đại trong đời sống dân tộc từ xưa đến nay. Nổi bật nhất là *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Đối với người Việt hôm nay, *Truyện Kiều*, *Lục Vân Tiên*... vẫn là những “con chim phượng” rực rỡ sắc màu bay mãi trong tâm hồn dân tộc.

Cùng trong dòng chảy chung của văn hóa phương Đông, truyền thống văn hóa Việt Nam cũng trọng tĩnh, hướng nội. Và điều đó không có gì thích hợp hơn là văn chương. Thế tất ông cha ta đề cao giá trị của thơ văn. Văn chương được xem là “quốc thể” của dân tộc. Nó làm nên vị thế của một quốc gia. Đối với cá nhân, văn chương giúp con người lập thân, và hơn thế nữa nó giúp vào việc “kinh bang tế thế”. Đó là lý do vì sao thời trung đại, người ta xem văn chương quý hơn vàng ngọc, người làm văn chương oai phong凛冽: “*Thị hào hổ thị thiên lâm túc*” (Nhà thơ lớn như con hổ nhìn hàng ngàn khu rừng im phăng phắc) (Phạm Nhữ Dực - *Tặng La Cập sự*). Đề cao tác phẩm, tôn vinh văn nhân như vậy, hẳn ông cha ta đã quý trọng văn chương biết nhường nào.

4. Kết luận

Trong thời đại kỹ thuật, công nghệ, người ta đặt lại vấn đề vị trí, vai trò của văn chương đối với cá nhân con người và xã hội. Chúng ta thừa nhận rằng, ngày nay văn chương không có được vị thế như xưa, nhiều phương tiện thông tin hiện đại đã thu hút con người hơn là tác phẩm ngôn từ nghệ thuật. Trải qua các thời kỳ phát triển của lịch sử dân tộc Việt Nam, sứ mệnh của văn chương có nhiều thay đổi. Từ là vị trí “quốc thể” (Hào bá văn chương tăng quốc thể - Lê Quý Đôn) đến “Văn chương hạ giới rẻ như bèo (Tản Đà) có một sự đi xuống rất lớn. Tuy nhiên, nếu khoa học công nghệ phục vụ cho trí tuệ trong việc làm ra của cải vật chất, thì văn chương thuộc về con người tâm hồn với cái đẹp và tinh thần nhân văn. Trong mỗi cá nhân, nó là sự hài hòa giữa trí tuệ và tâm hồn; trong xã hội, nó giúp cân bằng kinh tế và văn hóa, giữa phát triển về vật chất với lương

tri của xã hội. Trí tuệ nhân tạo có phát triển đến đâu cũng không thể tạo ra con người có tâm hồn, linh hồn, trái tim cùng thế giới vô thức.... Khi nào còn những cái đó, thì văn chương vẫn vô cùng cần thiết. Nhắc lại quan niệm của ông cha ta ngày xưa để thấy được tầm quan trọng phải giữ gìn và phát triển vốn văn chương, văn hóa dân tộc trong công cuộc xây dựng đất nước hôm nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đinh Gia Khánh *chủ biên* (1998). *Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII*. NXB Giáo dục.
- [2] Hà Thúc Minh (2002). *Đạo Nho và văn hóa phương Đông*. NXB Giáo dục.
- [3] Khâu Chân Thanh (2001). *Lý luận văn học nghệ thuật cổ điển Trung Quốc*. NXB Văn học.
- [4] Lưu Hiệp (1999). *Văn tâm điêu long*. NXB Văn học.
- [5] Nguyễn Minh Tân *chủ biên* (1981). *Từ trong di sản*. NXB Tác phẩm mới.
- [6] Phan Ngọc (2002). *Bản sắc văn hóa Việt Nam*. NXB Văn học, Hà Nội.
- [7] Phan Trọng Thường, Nguyễn Cừ, Vũ Thanh, Trần Nho Thìn *tuyển chọn* (2007). *10 thế kỷ bàn luận về văn chương*. NXB Giáo dục.
- [8] Phương Lựu (1985). *Về quan niệm văn chương cổ Việt Nam*. NXB Giáo dục.
- [9] Trần Đình Sử (2005). *Thi pháp văn học trung đại Việt Nam*. NXB Đại học quốc gia Hà Nội.